

NHÂN DANHQUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trịnh Hoàng Anh

Các Thẩm phán:

Bà Đào Thị Huệ

Ông Cao Xuân Long

-Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Thùy Quyên –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Vẹn - Kiểm sát viên.

Ngày 20/3/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 269/2024/TLPT–DS ngày 29/11/2024.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2025/QĐPT-DS ngày 13/01/2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 32/2025/QĐPT-DS ngày 27/2/2025; Giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Nguyễn Doãn Q, sinh 1959; Địa chỉ: C Cách mạng tháng 8, khu tái định cư S, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (chết ngày 30/11/2024)

**/ Người kế thừa quyền và Nghĩa vụ tố tụng:*

+Ông Nguyễn Doãn T, sinh 1989; Địa chỉ: F, F D - Liên bang Đ,(có đơn xin vắng mặt)

+Cháu Nguyễn Doãn Thanh B, sinh 2011 (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật của cháu B: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh 1972; Địa chỉ: A T, P.10, Quận P, TP .;(có mặt).

2.Bị đơn: Bà Trần Thị T1, sinh 1968; Địa chỉ: Số D đường M, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh BRVT. (vắng mặt)

+Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến Đ, sinh 1990; Địa chỉ: Số D M, thị trấn L, huyện L, tỉnh BRVT (có mặt)

(văn bản ủy quyền ngày 11/3/2025)

3. Người kháng cáo: Bị đơn Bà Trần Thị T1, sinh 1968 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo đơn khởi kiện, tại các bản khai nguyên đơn ông Nguyễn Doãn Q trình bày:* Ngày 29/9/2022, bà T1 vay của ông Q số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất là 10%/năm. Ngày 30/11/2023, bà T1 trả được 50. 000.000 đồng, số tiền còn nợ là 250.000.000 đồng.

Ngày 29/3/2023 là hết thời hạn 6 tháng, ông Q đến lấy lại tiền gốc và lãi, nhưng bà T1 chỉ trả tiền lãi, không trả nợ tiền gốc là 250.000.000 đồng.

Nay ông Q khởi kiện yêu cầu bà T1 phải trả cho ông Q nợ gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 30/6/2024 cho đến ngày toà án xét xử xong vụ án, theo lãi suất 10%/năm.

**/ Bị đơn bà Trần Thị T1 không có lời trình bày:* Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng bà T1 không đến Tòa, cũng không có ý kiến gửi tòa án.

**/Tại bản án dân sự sơ thẩm số 82/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền;* Đã áp dụng các quy định của pháp luật. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Doãn Q;

Buộc bà Trần Thị T1 phải trả cho ông Nguyễn Doãn Q: Tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 5.958.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo.

**/Ngày 10/10/2024, bị đơn bà Trần Thị T1 kháng cáo toàn bộ bản án yêu cầu xét xử lại vụ án, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.*

**/Tại phiên tòa phúc thẩm:*

+Một số đương sự vắng mặt Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa họp lệ, Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

+Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định.Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét xử công khai tại phiên tòa nhận thấy: Theo giấy nhận nợ thì bà T1 vay của ông Q 300.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi 10%/ năm; Đã trả 50.000.000 đồng, còn nợ 250.000.000 đồng; Do đó bà T1 phải trả lại 250.000.000 đồng và tiền lãi; Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà T1 trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Xét nội dung kháng cáo; Hội đồng xét xử thấy:

+Về tiền vay: Tại Giấy xác nhận nợ do bà T1 viết, ký ngày 29/9/2022, có nội dung: Bà Trần Thị T1 có vay của ông Nguyễn Doãn Q số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 10%/ năm, thời hạn vay là 6 tháng.

Là hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi. Bà T1 đã trả nợ gốc được 50.000.000 đồng, thì còn nợ ông Q 250.000.000 đồng; Thời hạn vay 06 tháng thì thời gian hết hạn trả nợ là ngày 29/3/2023, nay chưa trả thì ông Q có quyền khởi kiện đòi lại số tiền chưa trả gốc và lãi.

+Về tiền lãi: Ông Q cho bà T1 vay lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng). Ông Q thừa nhận đã nhận được tiền lãi do bà T1 trả đến ngày 29/ 6 /2024.

Bà T1 phải trả tiền lãi cho ông Q kể từ ngày 30/6/2024 đến ngày xét xử vụ án ngày 24/9/2024 (là 2 tháng 24 ngày): Tiền lãi là: 250.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 2 tháng 24 ngày = 5.810.000 đồng; Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tiền lãi 5.958.000 đồng là không chính xác; Tổng số tiền phải trả là 250.000.000 đồng + 5.810.000 đồng = 255.810.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ phúc thẩm: Căn cứ Điều 26, 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

+Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Q được chấp nhận, nên bà T1 phải chịu án phí là: 255.810.000 đồng x 5% = 12.790.500 đồng.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho ông Q.

+Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà T1 không phải chịu án phí 300.000 đồng, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ: Chấp nhận một phần kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; **Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị T1; Sửa bản án sơ thẩm số 82/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền**, như sau:

Áp dụng: Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Điều 26, 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Doãn Q;

Bà Trần Thị T1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Doãn Q số tiền là 255.810.000 đồng.(hai trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm mười ngàn đồng).

2.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị T1 phải chịu án phí 12.790.500 đồng.(mười hai triệu, bảy trăm chín mươi ngàn, năm trăm đồng); Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Q số tiền là 6.250.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0001579 ngày 02/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền.

3.Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà T1 được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0003784 ngày 25/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền. Bà T1 đã nộp đủ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4.Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 20/3/2025.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TANDh. Long Đất
- THADSh. Long Đất
- Đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trịnh Hoàng Anh

